

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/DS-ST

Ngày: 02 - 7 - 2024

*V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông N K T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi S

2. Ông Huỳnh Lê Trí T

- Thư ký phiên tòa: Ông U V T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2024/QĐST-DS, ngày 22/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2024/QĐST-DS, ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn N, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Đông Hưng 1, xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị đơn: Ông Cao Thành N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Mỹ Thới, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1955. (Vợ ông N)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Đông Hưng 1, xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 23/11/2023 và qua quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Văn N trình bày như sau:

Vào khoảng thời gian năm 2015, ông Cao Thành N có đến mua phân bón của ông, hai bên thỏa thuận sau 03 tháng phải trả tiền phân (khi thu hoạch buổi trả đủ tiền), ông N mua nhiều đợt:

Đợt 1, ngày 24/3/2015 mua với số tiền 6.300.000 đồng, bón tại vườn nhà.

Đợt 2, ngày 30/3/2015 mua với số tiền 29.620.000 đồng, bón tại Sóc Trăng

Đợt 3, ngày 15/5/2015 mua với số tiền 1.350.000 đồng, mua thuốc sâu.

Đợt 4, ngày 08/7/2015 mua với số tiền 33.800.000 đồng, bón tại Sóc Trăng

Tổng cộng thì ông N mua với số tiền 71.070.000 đồng.

Đến năm 2017 ông N hứa trả tiền nhưng không trả cho ông, nên ông trực tiếp xuống tới nhà ông N yêu cầu trả tiền, nhưng ông N chỉ hứa và viết tờ hẹn nợ ngày 06/5/2017 cam kết đến tháng 6/2017AL trả nợ ông với số tiền 20.000.000 đồng.

Đến ngày 09/7/2017 ông N có trả được 10.000.000 đồng, ông có làm biên nhận để nhận tiền.

Đến ngày 06/02/2018 ông N có trả thêm 30.000.000 đồng.

Đến ngày 16/01/2020 ông N trả thêm 8.000.000 đồng.

Tổng cộng ông N trả 48.000.000 đồng.

Nên ông N còn thiếu lại số tiền 23.070.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông N trả cho ông số tiền mua phân bón là 23.070.000 đồng.

Ông yêu cầu tính lãi từ ngày 16/01/2020 đến ngày 22/11/2023 với lãi suất 1.66%/tháng cho đến khi ông N trả dứt nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Cao Thành N trình bày: Ông N khởi kiện không đúng. Ông thừa nhận có mua phân bón của ông N, hai bên thỏa thuận, nếu trả tiền mặt thì không tính lãi, còn thiếu tới mùa trả thì khi trả tiền sẽ cộng thêm 50.000.000 đồng/1 bao, ông mua 02 lần (không nhớ rõ thời gian), nhưng ông nhớ vào năm 2015 có mua phân của ông N, khi mua thiếu ông không nhớ có ký sổ của ông N hay không, khi trả tiền cũng không có viết biên nhận và khi giao phân cũng không có biên nhận.

Ông nhớ đã trả tiền cho ông N 03 lần:

- Lần 01: Trả khoảng ba mươi mấy triệu, không có ghi biên nhận, ông không nhớ rõ trả cho ai.

- Lần 02: Trả 15.000.000 đồng, không ghi biên nhận, trả trực tiếp cho ông N.

- Lần 03: Trả 8.000.000 đồng, không có ghi biên nhận, trả trực tiếp cho ông N. (Vì ông nghe ông N nói ông còn thiếu 20.000.000 đồng, nên ông trả cho ông N số tiền 8.000.000 đồng), nên hiện tại ông chỉ còn thiếu 12.000.000 đồng.

Nay ông chỉ đồng ý trả số tiền 12.000.000 đồng, còn tiền lãi nếu ông N tính thì ông chịu.

Tờ hẹn nợ ngày 06/5/2017 là ông N viết, còn ông chỉ ký tên và ghi họ tên thôi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Ông Trương Văn N trình bày: Ông N có bán phân bón, thuốc trừ sâu của ông N nhiều lần, tổng cộng các lần mua với số tiền 71.070.000 đồng. Nhưng ông N đã trả được 48.000.000 đồng, các lần trả này đều không có ghi biên nhận, ông chỉ trừ trực tiếp trên sổ theo dõi mua bán của cá nhân ông.

Đến nay, ông N đã trả được 61.000.000 đồng, nên chỉ còn thiếu ông số tiền 10.070.000 đồng. Nên ông yêu cầu buộc ông N trả cho ông số tiền 10.070.000 đồng.

Về lãi suất: Do ông N có viết tờ hẹn nợ ngày 06/5/2017 để cam kết đến tháng 06/2017 ÂL sẽ trả xong nợ cho ông nhưng ông chỉ yêu cầu ông N trả lãi suất chậm trả cho ông từ ngày 16/01/2020 đến ngày 22/11/2023 với số tiền là 17.680.000 đồng. Tuy nhiên, ông xin rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu ông N trả lãi suất cho ông với số tiền 5.000.0000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc vắng mặt của các đương sự là không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N yêu cầu ông Cao Thành Ngon phải trả cho ông số tiền mua phân bón thuốc trừ sâu còn thiếu là 23.070.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại Tờ hẹn nợ ngày 06/5/2017 thể hiện ông Cao Thành N còn thiếu ông Trương Văn N số tiền 71.070.000 đồng. Đối chiếu với sổ cá nhân theo dõi việc

mua bán của ông N thể hiện ông Cao Thành N có thiếu số tiền 71.070.000 đồng là phù hợp.

Trong quá trình làm việc thì ông N cũng thừa nhận là có mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông N và có trả tiền nhiều lần nhưng ông không có ghi biên nhận hay sổ theo dõi cá nhân, nên không có cơ sở để xem xét theo lời trình bày của ông N là hiện tại ông chỉ còn thiếu ông N số tiền 12.000.000 đồng.

Theo lời trình bày của ông Trương Văn N thì ông Cao Thành N đã trả được 03 lần cho ông với số tiền được 48.000.000 đồng. Đối chiếu với sổ cá nhân theo dõi việc mua bán của ông N thể hiện ông N đã trả các lần như sau:

- Lần 1: Vào ngày 09/7/2017 ông N trả số tiền 10.000.000 đồng
- Lần 2: Vào ngày 06/02/2018 ông N trả số tiền 30.000.000 đồng
- Lần 3: Vào ngày 16/01/2020 ông N trả số tiền 8.000.000 đồng

Xét việc các lần trả tiền này đều không có ghi biên nhận, nhưng ông N đã tự trừ vào sổ theo dõi cá nhân của ông và số tiền thống nhất với nhau. Cũng như, sổ sách ông N ghi rõ ràng, liền mạch, không có dấu hiệu sửa đổi.

Tại Bản tường trình ngày 25/4/2024 ông Trương Văn N trình bày, ông Cao Thành N đã trả thêm cho ông số tiền 13.000.000 đồng, nên đến hiện tại thì ông N chỉ còn thiếu ông số tiền 10.070.000 đồng.

Từ đó cho thấy, việc ông N trình bày đều có chứng cứ chứng minh cho việc ông N có mua phân bón thuốc trừ sâu và thể hiện rõ số tiền ông N đã trả và còn thiếu. Ông N không thừa nhận số tiền thiếu theo yêu cầu khởi kiện của ông N nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc ông không có thiếu số tiền này. Tuy nhiên, sau ngày hòa giải thì ông N vẫn có thao tác trả thêm tiền cho ông N.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở nên được chấp nhận. Cho nên, buộc ông Cao Thành N trả cho ông Trương Văn N số tiền 10.070.000 đồng.

2.2. Về lãi suất:

Tại Tờ hẹn nợ ngày 06/5/2017 ông Cao Thành N hứa sẽ trả nợ cho ông N đến tháng 06/2017 ÂL, nhưng ông N yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 16/01/2020 đến ngày 22/11/2023 và tại phiên tòa ông N rút một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông N trả cho ông số tiền lãi là 5.000.000 đồng. Xét việc ông N chỉ yêu cầu tính lãi với số tiền tiền 5.000.000 đồng là sự tự nguyện và cũng là yêu cầu có lợi cho phía ông N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông N và đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi đối với ông N .

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Cao Thành N phải nộp số tiền làm tròn 753.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 5; 35; 39; 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,
- Các Điều 430; 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015
- **Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N.

Buộc ông Cao Thành N trả cho ông Trương Văn N số tiền 10.070.000 đồng (mười triệu, không trăm lẻ bảy mươi nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N đối với yêu cầu tính lãi suất.

2. Về lãi suất: Buộc ông Cao Thành N trả số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Cao Thành N nộp số tiền 753.000 đồng (bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TXBM: 01;
- Đương sự: 06;
- Lưu: 10.

N K T